

政府

越南社会主义共和国

独立-自由-幸福

编号：49/2025/NĐ-CP

河内，2025 年 02 月 28 日

议定

规定有关适用暂缓出境门坎

根据 2015 年 6 月 19 日政府组织法；2019 年 11 月 22 日修改、补充政府组织法及地方政权组织法若干条款；

根据 2019 年 6 月 13 日税务管理法；

根据 2024 年 11 月 29 日修改、补充证券法，会计法，独立审计法，国家预算法，管理、使用公共财产法，税务管理法、个人所得税法，国家储备法、行政违反处理法；

根据财政部部长的建议；

政府颁布议定规定有关适用暂缓出境门坎。

第一条 调整范围

本议定规定有关适用欠税门坎及欠税时间予被暂缓出境情况；有关通知适用暂缓出境及取消暂缓出境措施。

第二条 适用对象

1. 个人经营、经营户、个人为企业代表人、合作社、合作社联盟属于被强制执行税务管理行政决定；不在已登记活动地址运营的个人经营、经营户、个人为企业代表人、合作社、合作社联盟；越南人出境外国定居，越南人在国外定居，外国人在从越南出境前有欠税及其他收入属于由税务管理机构税收管理的国家预算。
2. 税务管理机构、政府机构及其他与本议定相关组织履行本议定。

第三条 被暂缓出境情况适用的欠税额门坎及欠税时间

1. 个人经营、经营户属于被强制执行有关税务管理行政决定的欠税金额从五千万以上及尚欠的税金缴纳期限根据规定已超过 120 天。
2. 个人为企业代表人、合作社、合作社联盟属于被强制执行有关税务管理行政决定的欠税金额从五亿以上及尚欠的税金缴纳期限根据规定已超过 120 天。

3. 不在已登记活动地址运营的个人经营、经营户、个人为企业代表人、合作社、合作社联盟欠税金额超过规定缴纳的期限，并自税务管理机构通知将适用暂缓出境措施日起 30 天时间内而仍不完成税务义务。
4. 越南人出境外国定居，越南人在国外定居，外国人在从越南出境前欠税金额超过规定缴纳期限而尚未完成缴税义务。

第四条 暂缓出境或取消暂缓出境的通知

1. 根据税务管理法第 124 条规定属于被强制执行税务管理行政决定的纳税者，直接管理纳税者的税务管理机构立即通知个人本议定第 3 条第 1 款机第 2 款规定有关通过纳税者电子税务交易帐户以电子形式适用推迟出境措施。如无法以电子方式发送通知，则税务管理机构在税务管理机构电子信息网站上通知。
2. 对于本议定第 3 条第 3 款规定的纳税者，直接管理纳税者的税务管理机构在税务管理机构电子信息网站上颁布有关纳税者不在已登记活动地址通知日后通知有关将适用暂缓出境措施。
3. 对于本议定第 3 条第 4 款规定的纳税者，有越南人准备出境外国定居、越南人在外国定居、外国人准备出境的信息时，直接管理纳税者的税务管理机构通过纳税者电子税务交易帐户的电子形式向纳税者发送暂缓出境通知。如无法以电子形式发送通知，则税务管理机构在税务管理机构的电子信息网站上通知。
4. 本议定第 3 条第 1 款、第 2 款、第 3 款规定自向纳税者通知日起 30 天后，将以电子形式适用暂缓出入境措施或在纳税者尚未完成税务义务的税务管理机构电子信息网站上通知，直接管理纳税者的税务管理机构颁布有关暂缓出境文件予出入境管理机构，以暂缓出境。

如纳税者已完成纳税义务，则税务管理机构颁布取消暂缓出境通知发送给出入境管理机构。出入境管理机构自收到税务管理机构通知时起 24 小时内取消暂缓出入境。

有关出入境管理机构和税务管理机构之间的信息技术应用系统的暂缓出境、取消暂缓出境通知以数字数据传送发送至出入境管理机构。如不以电子形式进行，则税务管理机构以书面发送暂缓出境、取消暂缓出境通知至出入境管理机构。

第五条 执行效力及组织履行

1. 本议定自签订颁布日起有效执行。
2. 各部长、部级机构负责人、政府机构负责人及各企业、组织、经营户、各相关个人有责任执行本议定。

3. 直属中央的省市人民委会主席指导当地各机构、单位配合开展履行本议定。

收件处：

- 党中央书记处；
- 政府总理、各副总理；
- 各部、部级机构、政府机构；
- 人民议会、中央省市级人委会；
- 中央办公室和党委；
- 秘书长办公室；
- 总统办公室；
- 民族委会和国会委员会；
- 国会办公室；
- 最高人民法院；
- 最高人民检察院；
- 国家审计；
- 社会政策银行；
- 越南开发银行；
- 越南祖国阵线中央委员会；
- 各团体中央机构；
- 政府办公室：.....
- 存留：

代表政府

代总理

副总理

Ho Duc Phoc

~ 恒利翻译，谨供参考 ~

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 49/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Quản lý thuế ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về ngưỡng áp dụng tạm hoãn xuất cảnh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về áp dụng ngưỡng tiền thuế nợ và thời gian nợ trong các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh; về việc thông báo áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh và hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế; cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký; người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước

ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam có nợ thuế và các khoản thu khác thuộc ngân sách nhà nước do cơ quan quản lý thuế quản lý thu.

2. Cơ quan quản lý thuế, cơ quan nhà nước và các tổ chức khác có liên quan đến việc thực hiện Nghị định này.

Điều 3. Áp dụng ngưỡng tiền thuế nợ và thời gian nợ trong các trường hợp bị tạm hoãn xuất cảnh

1. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có số tiền thuế nợ từ 50 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày.

2. Cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế có số tiền thuế nợ từ 500 triệu đồng trở lên và số tiền thuế nợ đã quá thời hạn nộp theo quy định trên 120 ngày.

3. Cá nhân kinh doanh, chủ hộ kinh doanh, cá nhân là người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã không còn hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định và sau thời gian 30 ngày kể từ ngày cơ quan quản lý thuế thông báo về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

4. Người Việt Nam xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài trước khi xuất cảnh từ Việt Nam có số tiền thuế nợ quá thời hạn nộp theo quy định mà chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế.

Điều 4. Thông báo về việc tạm hoãn xuất cảnh và hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh

1. Khi người nộp thuế thuộc trường hợp bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính về quản lý thuế theo quy định tại Điều 124 Luật Quản lý thuế, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thông báo ngay cho cá nhân quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 3 Nghị định này về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh bằng phương thức điện tử qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế. Trường hợp không gửi được thông báo bằng phương thức điện tử thì cơ quan quản lý thuế thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế.

2. Đối với người nộp thuế quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định này, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế thông báo trên trang thông tin

điện tử của cơ quan quản lý thuế về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh ngay sau khi ban hành Thông báo về việc người nộp thuế không hoạt động tại địa chỉ đã đăng ký.

3. Đối với người nộp thuế quy định tại khoản 4 Điều 3 Nghị định này, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế gửi thông báo về việc tạm hoãn xuất cảnh cho người nộp thuế bằng phương thức điện tử qua tài khoản giao dịch thuế điện tử của người nộp thuế ngay khi có thông tin về việc người Việt Nam chuẩn bị xuất cảnh để định cư ở nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài, người nước ngoài chuẩn bị xuất cảnh. Trường hợp không gửi được thông báo bằng phương thức điện tử thì cơ quan quản lý thuế thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế.

4. Sau 30 ngày kể từ ngày gửi thông báo cho người nộp thuế quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 3 Nghị định này về việc sẽ áp dụng biện pháp tạm hoãn xuất cảnh bằng phương thức điện tử hoặc thông báo trên trang thông tin điện tử của cơ quan quản lý thuế mà người nộp thuế chưa hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế, cơ quan quản lý thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế ban hành văn bản về việc tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh để thực hiện tạm hoãn xuất cảnh.

Trường hợp người nộp thuế đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế thì cơ quan quản lý thuế ban hành ngay thông báo hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh gửi cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Cơ quan quản lý xuất nhập cảnh thực hiện việc hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh trong vòng 24 giờ kể từ thời điểm nhận được thông báo của cơ quan quản lý thuế.

Thông báo về việc tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh được gửi đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh bằng việc truyền nhận dữ liệu số giữa hệ thống ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan quản lý thuế và cơ quan quản lý xuất nhập cảnh. Trường hợp không thực hiện được bằng phương thức điện tử thì cơ quan quản lý thuế gửi thông báo tạm hoãn xuất cảnh, hủy bỏ tạm hoãn xuất cảnh đến cơ quan quản lý xuất nhập cảnh bằng văn bản giấy.

Điều 5. Hiệu lực thi hành và tổ chức thực hiện

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ và các doanh nghiệp, tổ chức, hộ kinh doanh, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương chỉ đạo các cơ quan, đơn vị trên địa bàn phối hợp để triển khai thực hiện Nghị định này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTT (2b). 110

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Hồ Đức Phớc